TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2026/DS- ST
Ngày 11 tháng 9 năm 2026
"*V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Quang Thọ

Ông Văn Tiến Vững

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 365/2026/TLST- DS ngày 14 tháng 7 năm 2026 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2026/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Lê Ngọc M** sinh năm 1993; Số CCCD: 025093000044 cấp ngày 06/06/2023; Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú hiện nay: Tổ dân phố T, phường V, tỉnh Phú Thọ, (Có mặt);

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1993; Số CCCD 026093000606 cấp ngày 04/11/2016; Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã T, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 10 năm 2025 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Ngọc M trình bày: Vào khoảng tháng 5/2020, thông qua quan hệ xã hội, anh M quen biết anh Nguyễn Văn P. Sau đó anh P giới thiệu có khả năng tài chính, nhiều kinh nghiệm kinh doanh

trong lĩnh vực đầu tư trên mạng internet và đề nghị anh M góp vốn để mở rộng các dự án, anh P cam kết sẽ trực tiếp quản lý nguồn vốn, chịu trách nhiệm hoàn trả toàn bộ tiền gốc nếu dự án thua lỗ, lợi nhuận chia đôi. Ban đầu, anh chuyển một khoản tiền thử nghiệm, sau đó P có trả lợi nhuận để tạo niềm tin. Tiếp đó, P liên tục thúc giục anh chuyển thêm tiền với lý do nếu không góp tiếp sẽ khó thu hồi gốc. Vì đã bỏ ra số tiền lớn, lo ngại mất trắng nên anh tiếp tục chuyển thêm theo yêu cầu của anh P. Tổng cộng, từ ngày 27/4/2020 đến 15/01/2021 anh đã thực hiện 41 giao dịch, chuyển khoản tiền cho P với tổng số tiền là 1.758.632.868 đồng *(Một tỷ bảy trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm sáu mươi tám đồng)*, cụ thể: Anh Lê Ngọc M đã thực hiện 40 giao dịch chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng của anh (số tài khoản 19032132839999 Ngân hàng T1, chủ tài khoản là Lê Ngọc M) đến số tài khoản 19029067647016 Ngân hàng T1, chủ tài khoản là Nguyễn Văn P với số tiền giao dịch tổng cộng là 1.523.132.868 đồng và thực hiện 01 giao dịch nộp tiền mặt ngày 14/5/2020 tại V chi nhánh S với số tiền là 235.500.000 đồng vào tài khoản số 109003216246 đứng tên anh Nguyễn Văn P tại V chi nhánh B. Đến tháng 11/2020, nhận thấy dấu hiệu bất thường, anh đã nhiều lần yêu cầu anh P hoàn trả tiền nhưng P không thực hiện. Cuối tháng 12/2020, anh P cam kết trả toàn bộ số tiền vào ngày 04/01/2021. Đến ngày 04/01/2021 như đã hẹn, anh và P gặp nhau tại quán cà phê, P không trả nợ cho anh mà chỉ ngồi lại để hai bên đối chiếu số liệu, tổng cộng anh đã chuyển cho P 1.758.632.868 đồng *(Một tỷ bảy trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm sáu mươi tám đồng)*, còn số T đã chuyển lại cho anh là 533.631.201 đồng *(Năm trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm ba mốt nghìn, hai trăm lẻ một đồng)* bao gồm tiền nợ gốc và lợi nhuận. Sau đó hai bên đã thống nhất còn lại số tiền Phương nợ anh là 1.500.000.000 đồng *(Một tỷ năm trăm triệu đồng)* và lập giấy nhận nợ, xác nhận P đã vay của anh số tiền trên, cam kết đến 31/12/2021 sẽ trả đủ. Đến ngày 14/01/2021, P trả anh thêm 15.000.000 đồng, số tiền còn nợ là 1.485.000.000 đồng *(Một tỷ bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng)* đến nay P chưa trả anh, đã nhiều lần anh đòi nợ nhưng P đều né tránh. Ngày 31/12/2021 đã hết thời hạn cuối cùng theo giấy nhận nợ, nhưng đến nay P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, đẩy anh vào tình trạng khó khăn tài chính và ảnh hưởng đến cuộc sống, tinh thần của anh.

Anh đã trình báo sự việc đến Cơ quan công an vào ngày 24/8/2022, Cơ quan điều tra đã thụ lý tin báo, sau đó đã tạm đình chỉ vụ án. Đến ngày 14/2/2025 thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã ban hành Quyết định không khởi tố vụ án số 144.

Đến nay, nguyên đơn yêu cầu Toà án nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ giải quyết những yêu cầu sau: Buộc ông Nguyễn Văn P thanh toán, trả nợ số tiền 1.485.000.000đ (*Một tỷ bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng*) gốc và khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 là 10%/năm, thời gian tính từ ngày 01/01/2022 cho đến lúc ông Nguyễn Văn P hoàn tất nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ. Số tiền lãi tạm tính đến ngày 11/9/2026 (tương ứng 56 tháng) là 693.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 2.178.000.000đ (*Hai tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu đồng)*. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử, ông P còn phải tiếp tục trả lãi theo quy định pháp luật cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả hết khoản nợ nói trên.

Tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Văn P vắng mặt. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 22/01/2026 bà Chu Thị H là mẹ ông Nguyễn Văn P có trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn P, Toà án có báo anh P nhiều lần đến Toà án để làm việc, gia đình có nhận được và thông báo lại cho anh P qua điện thoại nhưng do anh đi làm ăn xa nên không về làm việc theo giấy thông báo của Toà án được. Việc vay mượn tiền giữa anh Lê Ngọc M và anh P là con trai bà như thế nào thì bà không biết. Khoảng năm 2024 anh P có về nhà vào dịp tết nguyên đán nhưng sau đó anh P lại đi làm gì và ở đâu thì anh P không cho gia đình biết thông tin nơi làm việc. Về đoạn video mà anh M cung cấp cho Toà án, bà được xem và thừa nhận người đàn ông xuất hiện trong đoạn video đang ngồi viết giấy nhận tiền đúng là anh P con trai của bà nhưng nội dung giấy viết như thế nào bà không biết. Sự việc anh M đòi nợ với anh P đã được Công an huyện Y cũ giải quyết, sau đó anh M có đến nhà bà đòi nợ P nhưng bà không biết việc vay nợ giữa hai người nên bà không làm việc.

Xác minh tại Công an xã T, tỉnh Phú Thọ ngày 22/01/2026 cho biết: Sau khi kiểm tra trên hệ thống dữ liệu dân cư quốc gia tại xã T, tỉnh Phú Thọ thể hiện ông Nguyễn Văn P sinh năm 1993 có căn cước công dân số 026093000606; hiện nay đang đăng ký thường trú tại Thôn T, xã T, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên, thực tế hiện nay ông P không có mặt tại nơi ông đăng ký thường trú nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, xác minh tại Công an xã T, tỉnh Phú Thọ và Công an phường T, thành phố Hà Nội, anh P hiện không cư trú tại địa phương

nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, mà đang đăng ký tạm trú và thực tế cư trú tại căn hộ S, tòa I, tổ dân phố số A, phường T, thành phố Hà Nội từ ngày 03/02/2026. Do vậy, ngày 17/4/2026 Toà án nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ đã chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội để giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ngày 27/5/2026 Toà án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội đã chuyển lại hồ sơ vụ án về cho Toà án nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Ngọc M. Buộc ông Nguyễn Văn P phải trả nợ cho ông Lê Ngọc M số tiền gốc là 1.485.000.000 đồng và lãi suất phát sinh trên số tiền nợ gốc tính đến ngày 11/9/2026 là 693.000.000đồng. Tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 11/9/2026 là 2.178.000.000đồng. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử, ông P còn phải tiếp tục trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả hết khoản nợ nói trên.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Ngọc Minh T tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Ngọc M khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn P thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo giấy vay tiền ngày 04/01/2021, do đó quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện và thụ lý vụ án ông Nguyễn Văn P có hộ khẩu thường trú tại xã T, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng về thẩm quyền.

Vụ việc đã được cơ quan điều tra xem xét và ban hành quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Vì vậy, quan hệ tranh chấp giữa các bên được xác định là quan hệ dân sự; việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên toà, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày tại phiên tòa, từ tháng 4/2020 đến tháng 01/2021, ông Lê Ngọc M đã nhiều lần chuyển tiền cho ông Nguyễn Văn P qua tài khoản ngân hàng đứng tên Nguyễn Văn P với tổng số tiền 1.758.632.868 đồng với mục đích là để góp vốn làm ăn. Sau khi đối chiếu công nợ, ông Nguyễn Văn P đã hoàn trả cho ông M số tiền 533.631.201 đồng (bao gồm một phần số nợ gốc và phân chia lợi nhuận); ngày 04/01/2021 hai bên đã chốt công nợ và xác nhận ông P còn nợ ông M số tiền 1.500.000.000 đồng thể hiện bằng Giấy nhận nợ do ông Nguyễn Văn P tự tay viết và cam kết thời hạn thanh toán đến ngày 31/12/2021. Sau đó bị đơn tiếp tục trả thêm 15.000.000 đồng, còn nợ 1.485.000.000 đồng. Nguyên đơn đã cung cấp các chứng cứ gồm: sao kê giao dịch ngân hàng, giấy nhận nợ, dữ liệu hình ảnh (video) thể hiện việc bị đơn viết giấy nhận nợ. Xét thấy có đủ căn cứ xác định có việc giao nhận tiền và xác lập nghĩa vụ trả nợ giữa các bên. Đối với bị đơn không tham gia tố tụng, không có ý kiến phản đối, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc có thỏa thuận khác, nên phải chịu nghĩa vụ phát sinh theo quy định pháp luật.

Từ đó có đủ căn cứ xác định giữa các bên đã phát sinh quan hệ Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; ông Nguyễn Văn P còn nợ của ông Lê Ngọc M số tiền 1.485.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên vay tài sản có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến hạn. Tuy nhiên, đến hạn thanh toán theo giấy nhận nợ (ngày 31/12/2021), bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ dân sự, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc 1.485.000.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức 20%/năm, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi với mức 10%/năm trên số tiền gốc còn nợ. Xét thấy, giữa các bên không có thỏa thuận cụ thể về lãi suất đối với khoản tiền chậm trả sau khi đến hạn nên việc tính lãi được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Mức lãi suất 10%/năm mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định pháp luật, không vượt quá mức lãi suất giới hạn, do đó có căn cứ đuuocj chấp nhận.

[5]. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Cụ thể số tiền bị đơn phải trả nguyên đơn là 2.178.000.000 đồng nên án phí dân sự sơ thẩm phải chịu là 72.000.000đ+ 2% x 178.000.000đồng = 75.560.000đồng

Như vậy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Ngọc M đối với bị đơn ông Nguyễn Văn P.

Buộc ông Nguyễn Văn P phải thanh toán, trả nợ cho ông Lê Ngọc M số tiền nợ gốc là 1.485.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 01/01/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/9/2026) là 693.000.000đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 2.178.000.000đ (Bằng chữ: *Hai tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2026) ông Nguyễn Văn P còn phải tiếp tục trả ông Lê Ngọc Minh K tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền phải thi hành án.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn P phải chịu 75.560.000đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Ngọc M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0003937 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 10 - Phú Thọ;
- CQ THA DS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hải

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải